

Bản án số: 24/2019/DS- ST
Ngày: 10/6/2019
V/v: “Tranh chấp HĐ góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông
2. Bà Đinh Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2019/QĐST-DS, ngày 24/5/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1970; Nơi cư trú : ấp P, xã A huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị Bùi Thị T ủy quyền cho anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; Nơi cư trú: khu phố 5, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1973; Nơi cư trú: ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh Nguyễn Văn P và chị Đinh Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Bùi Văn L vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2019 của chị Bùi Thị T cũng như bản tự khai, biên bản hòa giải anh Nguyễn Văn P là người đại diện theo ủy quyền của

nguyên đơn trình bày: Chị T có làm đầu thảo cho chị N tham gia 04 dây hội, cụ thể:

+ Dây 1 hội 500.000 đồng khai ngày 27/01/2014 (al), mỗi tháng khai 01 lần, hội gồm 26 phần, chị N tham gia 02 phần, đã hốt xong và đóng hội chết đến tháng 06/2015 (al) nên còn nợ lại 08 tháng với số tiền 8.000.000 đồng

+ Dây 2 hội 1.000.000 đồng khai ngày 05/01/2015 (al), mỗi tháng khai 01 lần, hội gồm 22 phần, chị N tham gia 01 phần, đã hốt xong và đóng hội chết đến tháng 06/2015 (al) nên còn nợ lại 16 tháng với số tiền 16.000.000 đồng

+ Dây 3 hội 1.000.000 đồng khai ngày 30/3/2014 (al), mỗi tháng khai 01 lần, hội gồm 26 phần, chị N tham gia 01 phần, đã hốt xong và đóng hội chết đến tháng 06/2015 (al) nên còn nợ lại 05 tháng với số tiền 5.000.000 đồng.

+ Dây 4 hội 500.000 đồng khai ngày 10/5/2015 (al), mỗi tháng khai 01 lần, hội gồm 26 phần, chị N tham gia 02 phần, đã hốt xong và đóng hội chết đến tháng 06/2015 (al) nên còn nợ lại 24 tháng với số tiền 24.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà chị N còn nợ lại Chị T là 53.000.000 đồng. Chị N có nhiều lần trả cho Chị T số tiền 15.500.000 đồng nên còn nợ lại 37.500.000 đồng.

Do chị N chơi hội để phục vụ kinh tế gia đình nên Chị T yêu cầu chị N liên đới cùng anh L trả cho Chị T số tiền hội còn thiếu là 37.500.000, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Đinh Thị N vắng mặt tại Tòa nhưng có lời trình bày tại bản khai và biên bản hòa giải như sau: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Nguyễn Văn P về số dây hội tham gia cũng như số tiền mà chị còn nợ lại Chị T. Chị đồng ý trả cho bà Tuyết số tiền hội còn thiếu là 37.500.000 đồng, không tính lãi. Số tiền chị chơi hội để làm nhà, lo cho gia đình. Việc chị chơi hội anh L không biết nhưng sau này chị có nói cho anh L biết. Chị yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại Tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án án nên không có lời trình bày

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2019 của chị Bùi Thị T thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”. Xác định chị Bùi Thị T là nguyên đơn, chị Đinh Thị N là bị đơn và anh Bùi Văn L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam.

Chị Đinh Thị N có nơi cư trú tại xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho anh Bùi Văn L đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng anh L vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng anh L vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do; Ngày 18/4/2019 chị Đinh Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; Ngày 07/6/2019 anh Nguyễn Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh P, chị N và anh L là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn P yêu cầu chị Đinh Thị N và anh Bùi Văn L phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Bùi Thị T số tiền hui còn thiếu là 37.500.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N thừa nhận chị còn thiếu Chị T số tiền hui là 37.500.000 đồng nên xác định đây là sự việc có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên yêu cầu của Chị T là có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu anh L liên đới cùng chị N trả cho Chị T số tiền hui còn thiếu, Hội đồng xét xử thấy rằng: theo lời trình bày của chị N thì mục đích chị chơi hui là để phục vụ kinh tế gia đình và anh L là chồng của chị N nên yêu cầu này của Chị T là có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

Bị đơn yêu cầu được trả dần, mỗi tháng 500.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy yêu cầu này của bị đơn thuộc về giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T được chấp nhận nên chị Đinh Thị N và anh Bùi Văn L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.875.000 đồng do vi phạm nghĩa vụ.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị Bùi Thị T theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 471 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị T, cụ thể tuyên:

Buộc chị Đinh Thị N và anh Bùi Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Bùi Thị T số tiền hụi còn thiếu là 37.500.000 đồng, không tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Đinh Thị N và anh Bùi Văn L phải liên đới chịu là 1.875.000 đồng

Hoàn trả cho chị Bùi Thị T số tiền tạm ứng án phí là 938.000 đồng theo biên lai thu số 002349 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhân:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu HS, VP, THA (9b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hồng Diễm